

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 05 – 02 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lê Thị Thu T là Luật sư Nguyễn Phước H – Công ty luật TNHH một thành viên Tấn Thành thuộc Đoàn Luật tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 32, Bạch Đằng, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vĩnh Thạnh A, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp 2, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vĩnh Thạnh A, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2020, bổ sung ngày 18/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Do quen biết, vào năm 2017, chị T cho chị Nguyễn Thị B vay tiền và mua hàng hóa các lần cụ thể như sau:

- Đối với khoản nợ vay:

Vào tháng 8/2017: 20.000.000 đồng; ngày 25/8/2017: 20.000.000 đồng và ngày 16/9/2017: 5.000.000 đồng (số tiền vay ngày 25/8/2017 và ngày 16/9/2017 tổng cộng 25.000.000 đồng do chị B điện thoại bảo chị T giao cho chị N là chị ruột của chị B nhận thay cho chị B). Tổng cộng là 45.000.000 đồng, khi vay hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ hợp đồng với lãi suất là 4%/tháng, thời hạn cho vay là 5 tháng, mục đích chị B vay là để xây dựng nhà, từ khi vay phía chị B có trả lãi cho chị T được 04 tháng kể từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/01/2018 với số tiền lãi là 7.200.000 đồng và từ đó đến nay chị B không còn trả lãi và vốn cho chị T.

Ngày 08/8/2017, chị B vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, khi vay, chị B có giao cho chị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn B (anh ruột chị B) để làm niềm tin, với lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là khi nào chị T có nhu cầu lấy lại vốn thì chị B trả cho chị T, mục đích vay để tạo vốn làm ăn, khi vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ hợp đồng. Kể từ khi vay, chị B có trả lãi cho chị T được 12 tháng theo lãi suất thỏa thuận trên, thời gian sau do chị B cho rằng đang khó khăn về kinh tế và có thỏa thuận với chị T trả góp cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 50.000.000 đồng, chị B trả được 09 tháng từ ngày 25/4/2019 đến tháng 12/2019 với số tiền là 18.000.000 đồng và ngưng không góp và còn nợ lại chị T số tiền vốn vay là 32.000.000 đồng.

- Đối với khoản nợ mua hàng hóa:

Thời gian từ tháng 8 đến tháng 9/2017, chị B có mua của chị T số hàng gồm ống nước và đồ điện gia dụng do chị B thỏa thuận với chị T là giao hàng cho thợ lắp ráp đồ gia dụng cho nhà chị B là anh Nguyễn Chí H đến trực tiếp nhận hàng, khi kết toán sổ sách ngày 19/9/2017 chị B còn nợ chị T số tiền mua hàng là 7.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2020, chị T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị B trả cho chị T số nợ tiền vay là

25.000.000 đồng (trong khoản vay ngày 25/8/2017 và ngày 16/9/2017) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử;

Ngày 10/12/2020, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị B trả cho chị T số nợ tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử;

Ngày 05/02/2021, chị T đã thỏa thuận với chị B là chị T giao trả lại cho chị B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do ông B đứng tên) cho chị B. Chị T và chị B không tranh chấp gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Về số tiền nợ vay và tiền mua hàng hóa, do chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên, chị T có liên lạc gặp chị B nhiều lần nhưng chị B không thực hiện việc thanh toán nợ, chị T có yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải việc tranh chấp trên ngày 12/6/2020, kết quả không thành và chị T khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Nay chị T yêu cầu chị B có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn vay còn lại, lãi phát sinh theo quy định pháp luật các khoản vay trên từ khi vay cho đến ngày xét xử và đồng ý điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật cụ thể sau:

- Các khoản vay tháng 8/2017: 20.000.000 đồng; ngày 25/8/2017: 20.000.000 đồng và ngày 16/9/2017: 5.000.000 đồng (tính lãi từ ngày 16/9/2017). Tổng cộng là 45.000.000 đồng tính lãi từ ngày 16/9/2017 đến ngày xét xử, chị T đã thu lãi theo thỏa thuận được 04 tháng từ 16/9/2017 đến 16/01/2018, tổng cộng 7.200.000 đồng;

- Khoản vay ngày 08/8/2017: 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 08/8/2017 đến ngày xét xử, chị T đã thu lãi theo thỏa thuận được 12 tháng từ ngày 08/8/2017 đến ngày 08/8/2018 là 18.000.000 đồng;

- Số tiền bán hàng gồm ống nước và đồ điện gia dụng là 7.000.000 đồng, yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi.

## 2. Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị B thừa nhận có vay tiền và mua hàng hóa gồm ống nước, đồ điện gia dụng của chị T về thời gian các lần vay tiền, thỏa thuận lãi suất tiền vay, thời hạn thanh toán nợ vốn vay, trả lãi vay và mục đích sử dụng việc vay nợ và mua hàng hóa đúng như lời trình bày trên của chị T và còn nợ chị T số tiền vốn vay và nợ lãi vay cụ thể như sau:

- Tháng 8/2017: 20.000.000 đồng; ngày 25/8/2017: 20.000.000 đồng và ngày 16/9/2017: 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 45.000.000 đồng, từ khi vay, chị B có trả lãi cho chị T được từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/01/2018 là 04 tháng với

số tiền lãi là 7.200.000 đồng và từ đó đến nay chị B không còn trả lãi và vốn cho chị T.

- Ngày 08/8/2017, chị B có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời có giao cho chị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh ruột chị B là ông Nguyễn Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm niềm tin. Khoản vay này, chị B có trả lãi cho chị T từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2018 (01 năm) với số tiền là 18.000.000 đồng thì không trả lãi và vốn cho chị T. Sau đó, chị T và chị B có thỏa thuận là chị B trả góp cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vay 50.000.000 đồng, từ ngày 25/4/2019 đến tháng 12/2019 chị B trả cho chị T được 09 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng thì không trả nữa và còn nợ lại chị T số tiền vốn vay là 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ tháng 8 đến tháng 9/2017, chị B có mua của chị T số hàng gồm ống nước và đồ điện gia dụng, ngày 19/9/2017 khi kết toán sổ sách chị B còn nợ chị T số tiền là 7.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản chị B vay và mua hàng hóa còn nợ chị T là 84.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ chị T khoản nào khác. Số nợ trên, do hoàn cảnh khó khăn chị B xin trả chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin khỏi phải trả lãi phát sinh theo yêu cầu trên của chị T. Trường hợp, chị T không đồng ý khỏi tính lãi phát sinh như yêu cầu trên của chị T thì chị B yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật và đồng ý chịu lãi phát sinh theo quy định pháp luật đối với các khoản nợ vay như đã nêu trên cho đến ngày xét xử.

Ngày 05/02/2021, chị B đã thỏa thuận với chị T là chị T đã giao trả lại cho chị B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do ông B đứng tên cho chị B xong, hai bên không có tranh chấp và khiếu nại gì trong việc này.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí H trình bày tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020:

Anh Nguyễn Chí H xác nhận có nhận hàng gồm điện gia dụng, vật tư do chị T bán cho chị B để anh H lắp ráp điện gia dụng, vật tư cho nhà chị B như lời trình bày trên của chị T, chị B. Anh H đã quyết toán xong với chị B về tiền công cũng như vật tư, thiết bị nhận từ chị T lắp ráp cho nhà chị B. Anh H không có yêu cầu gì và xin vắng mặt khi hòa giải xét xử.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020 và bản tự khai ngày 29/12/2020:

Chị N xác nhận có nhận thay cho chị B số tiền do chị T giao cho chị N để chị N giao lại cho chị B, việc giao nhận đã xong và chị N không có trách nhiệm, ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này, chị N xin vắng mặt khi hòa giải xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và không yêu cầu giao nộp thêm tài liệu chứng cứ. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H và chị N xin xét xử vắng mặt.

5. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày lời bảo vệ như sau:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đủ cơ sở xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản. Hai bên thực hiện không xác lập hợp đồng chỉ thỏa thuận qua lời nói, chị T và chị B thân thít qua nhiều năm do quen biết, do đó chị T và chị B có thỏa thuận việc vay và cho vay tiền; việc mua bán hàng hóa gồm vật tư trang thiết bị để lắp đặt tiện nghi gia đình của chị B. Vào năm 2017, chị B thừa nhận có vay tiền, trả vốn vay, trả lãi vay và mua hàng hóa của chị T, sau khi kết toán sổ sách còn nợ chị T số nợ vốn vay, lãi vay và tiền mua hàng chưa thanh toán như lời trình bày của chị T và sự thừa nhận của chị B, cụ thể sau:

- Khoản vay 45.000.000 đồng, chị T có thu lãi được 04 tháng với lãi suất 4%/tháng bằng 7.200.000 đồng;

- Khoản vay 50.000.000 đồng, chị T có thu lãi được 12 tháng với lãi suất 3%/tháng bằng 18.000.000 đồng, chị B có trả vốn cho chị T được 18.000.000 đồng từ ngày 25/4/2019 đến tháng 12/2019, còn nợ chị T số tiền vốn vay là 32.000.000 đồng;

- Chị B nợ tiền mua hàng hóa của chị T là 7.000.000 đồng vào ngày 19/9/2017.

Nay chị T yêu cầu chị B có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn vay còn lại, lãi phát sinh theo quy định pháp luật của các khoản vay trên từ khi vay cho đến ngày xét xử và đồng ý điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật đồng thời chị B còn phải trả cho chị T số nợ tiền mua hàng còn lại là 7.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn, chị Lê Thị Thu T.

6. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 75 và Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị N.

*Về nội dung:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện việc vay và mua bán tài sản không xác lập hợp đồng mà vay và mua bán tài sản thỏa thuận qua lời nói được thể hiện sự thừa nhận của các bên đương sự.

Đề nghị HĐXX, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chị T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị B trả cho chị T số nợ tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử.

Về tiền lãi vay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của các khoản vay như đã nêu trên kể từ ngày vay đến ngày xét xử, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số nợ vay theo quy định pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên, cần phải điều chỉnh số tiền lãi thỏa thuận của các bên đối với các lần từ khi vay đến ngày đã trả lãi và không phải tính lãi đối với thời gian sự thỏa thuận trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng từ ngày 25/4/2019 đến tháng 12/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị B có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn vay và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến ngày xét xử đối với số nợ vay trên và điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật của các lần vay đến ngày xét xử, không phải tính lãi đối với thời gian sự thỏa thuận trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng từ ngày 25/4/2019 đến tháng 12/2019 và buộc chị B trả cho chị T số nợ tiền mua hàng hóa 7.000.000 đồng.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản, bị đơn chị Nguyễn Thị B có nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vĩnh Thạnh A, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị N.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản được xác lập năm 2017. Căn cứ Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản được xác lập giữa các bên. Các bên không thực hiện xác lập hợp đồng mà thỏa thuận bằng lời nói và xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Ngày 10/12/2020, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị B trả cho chị T số nợ tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị T yêu cầu chị B có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn vay còn lại, lãi phát sinh theo quy định pháp luật các khoản vay trên từ khi vay cho đến ngày xét xử, đồng ý điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật và tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể sau:

- Các khoản vay tháng 8/2017: 20.000.000 đồng; ngày 25/8/2017: 20.000.000 đồng và ngày 16/9/2017: 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 45.000.000 đồng tính lãi từ ngày 16/9/2017 (gộp chung vào ngày 16/9/2017) đến ngày xét xử, chị T đã thu lãi được 04 tháng từ 16/9/2017 đến 16/01/2018 với số tiền là 7.200.000 đồng;

- Khoản vay ngày 08/8/2017: 50.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 08/8/2017 đến ngày xét xử, chị T đã thu lãi được 12 tháng từ ngày 08/8/2017 đến ngày 08/8/2018 với số tiền là 18.000.000 đồng;

- Số tiền bán hàng gồm ống nước và đồ điện gia dụng là 7.000.000 đồng, chị T yêu cầu chị B trả vốn, không yêu cầu tính lãi.

Từ những kết quả trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của số tiền vay qua các lần vay như đã nêu trên đến ngày xét xử, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số nợ vay theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Về điều chỉnh tiền lãi, nguyên đơn thừa nhận vào các thời điểm của năm 2017, đã thu lãi các lần gồm 7.200.000 đồng, 18.000.000 đồng và kết toán sổ sách số tiền chị B còn nợ lại chị T số tiền vốn vay các lần còn lại như đã nêu trên.

Chị Lê Thị Thu T, tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị B trả cho chị T số nợ tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử đã được chấp nhận.

Xét, chị T và chị B thống nhất có vay và trả lãi như trình bày trên của chị B, do đó Hội đồng xét xử cần phải điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật kể từ khi chị T cho chị B vay từ ngày 08/8/2017 đến ngày 08/8/2018 đối với số nợ vay 50.000.000 đồng. Kể từ sau ngày 08/8/2018, do chị T và chị B thỏa thuận mỗi tháng chị B trả cho chị T 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 50.000.000 đồng nhưng chị B trả được 09 lần từ 08/8/2018 đến ngày 08/5/2019 với số tiền vốn là 18.000.000 đồng thì chị B không thực hiện việc trả nợ tiếp tục cho chị T theo thỏa thuận trên, do đó chị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chị B phải chịu mức lãi suất theo quy định pháp luật tiếp tục đối với số nợ vay còn lại của khoản vay 50.000.000 đồng là 32.000.000 đồng kể từ ngày 09/5/2019 đến ngày xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị B trả lãi phát sinh đối với số nợ còn lại 32.000.000 đồng kể từ ngày 09/5/2019 đến ngày xét xử theo yêu cầu chị T và điều chỉnh lãi vay đối với số nợ vay trên.

Đối với số tiền mua bán hàng hóa, chị B còn nợ chị T 7.000.000 đồng chưa thanh toán, HĐXX buộc chị B có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ trên.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn chị B thừa nhận có vay tiền và mua hàng hóa do chị T cho vay và bán hàng cho chị B còn nợ lại tổng số tiền vốn vay là 77.000.000 đồng và mua hàng hóa là 7.000.000 đồng. Chị B có yêu cầu trả dần mỗi tháng



1.000.000 đồng và xin khỏi phải trả lãi phát sinh đến ngày xét xử nhưng chị T không đồng ý, do chị B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên HĐXX buộc chị B phải có trách nhiệm trả cho chị T số nợ vốn và lãi phát sinh đối với số nợ vay còn lại 77.000.000 đồng. Chị B có yêu cầu, trường hợp chị T không đồng ý theo yêu cầu trả nợ vốn và lãi như trình bày trên của chị B thì chị B yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định pháp luật và đồng ý chịu lãi phát sinh theo quy định pháp luật. HĐXX, xét chị T không đồng ý yêu cầu chị B, việc thỏa thuận lãi vượt mức quy định theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 nên cần phải điều chỉnh mức lãi trên phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Xét ý kiến của người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Chí H xác nhận có nhận hàng gồm điện gia dụng, vật tư của chị T bán cho chị B để lắp ráp cho nhà chị B như trình bày trên của chị T và chị B và đã quyết toán xong với chị B về tiền công cũng như thiết bị nhận từ chị T lắp ráp cho nhà chị B, anh H không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

- Chị Nguyễn Thị N xác nhận có nhận thay cho chị B số tiền do chị T giao cho chị N để chị N giao lại cho chị B, việc giao nhận đã xong và chị N không có trách nhiệm ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Chị T và chị B xác định và thừa nhận việc anh H và chị N có ý kiến trình bày như trên và chị T, chị B không yêu cầu gì đối với anh H, chị N. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét lời bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của Luật sư cho rằng: Luật sư xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản là có căn cứ. Về nội dung, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý điều chỉnh lãi thỏa thuận do bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn đối với sự thừa nhận của nguyên đơn theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn chị Nguyễn Thị B có yêu cầu trả cho chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ như lời trình bày trên của chị B nhưng không được sự đồng ý của chị T và chị T có yêu cầu chị B trả ngay một lần dứt số nợ vốn và lãi kể cả tiền nợ mua hàng hóa của chị B như trình bày trên của chị T. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của chị B không được chị T đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của chị B không có cơ sở xem xét.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với lãi tiền vay phải điều chỉnh từ mức lãi 4%/tháng về mức 1,67%/tháng của khoản vay 45.000.000 đồng từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/01/2018 (04 tháng) là:

- Lãi theo quy định pháp luật là:  $45.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} \times 1,67\% = 3.006.000 \text{ đồng}$ ;

- Lãi theo thỏa thuận:  $45.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} \times 4\% = 7.200.000 \text{ đồng}$ ;

- Lãi trả vượt quy định:  $7.200.000 - 3.006.000 = 4.194.000 \text{ đồng}$ ;

- Khấu trừ lãi vào vốn vay:  $45.000.000 - 4.194.000 = 40.806.000 \text{ đồng}$ ;

Lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 17/01/2018 đến ngày 05/02/2021 (738 ngày) là:

$(40.806.000 \times 738 \text{ ngày} \times 1,67\%) : 30 \text{ ngày} = 16.764.000 \text{ đồng}$ ;

Cộng vốn và lãi:  $40.806.000 + 16.764.000 = 57.570.000 \text{ đồng}$ .

[4.2] Đối với lãi tiền vay phải điều chỉnh từ mức lãi 3%/tháng về mức 1,67%/tháng khoản vay 50.000.000 đồng từ ngày 08/8/2017 đến ngày 08/8/2018 (12 tháng) là:

- Lãi thỏa thuận là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 3\% = 18.000.000 \text{ đồng}$ ;

- Lãi theo quy định pháp luật là:  $50.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,67\% = 10.020.000 \text{ đồng}$ ;

Lãi trả vượt quy định là:  $18.000.000 - 10.020.000 = 7.980.000 \text{ đồng}$ .

- Khấu trừ lãi vào vốn vay  $50.000.000 - 7.980.000 = 42.020.000 \text{ đồng}$ .

- Từ 09/8/2018 đến ngày 09/5/2019 (09 tháng) trả vốn 18.000.000 đồng, còn lại:  $42.020.000 \text{ đồng} - 18.000.000 \text{ đồng} = 24.020.000 \text{ đồng}$ .

- Lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 10/5/2019 đến ngày 05/02/2021 (624 ngày);

$(24.020.000 \times 624 \text{ ngày} \times 1,67\%) : 30 \text{ ngày} = 8.344.000 \text{ đồng}$ ;

Vốn và lãi còn lại là:  $24.020.000 \text{ đồng} + 8.344.000 \text{ đồng} = 32.362.000 \text{ đồng}$

[4.3] Số nợ mua hàng hóa là: 7.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ vốn, lãi vay và vốn hàng hóa là:

$57.570.000 \text{ đồng} + 32.362.000 \text{ đồng} + 7.000.000 \text{ đồng} = 96.932.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng, tính đến ngày 05/02/2021 số tiền vốn và lãi là: 96.932.000 đồng. Trong đó: Vốn vay là 64.826.000 đồng, vốn hàng hóa là 7.000.000 đồng và lãi là  $(16.746.000 \text{ đồng} + 8.344.000 \text{ đồng}) = 96.916.000 \text{ đồng}$ .

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị B có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vốn vay, lãi và tiền nợ mua hàng hóa còn lại đến ngày 05/02/2021 là 96.932.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 144, 147, 244, 271, khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 351; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Lê Thị Thu T không yêu cầu chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới cùng với chị Nguyễn Thị B trả cho chị Lê Thị Thu T số nợ tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/8/2017) cho đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T: Buộc chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền là: 96.932.000 đồng (chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.847.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng. Hoàn lại cho chị Lê Thị Thu T số tiền 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001374 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**Phạm Hữu Dấm**